TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2019/HNGĐ–ST
Ngày: 26/11/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích.
2. Ông Đặng Hữu Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 04 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 09 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: khu vực TH1, phường TT, quận TN, thành phố CT(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2.Bị đơn: Ông Võ Ngọc V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 10/2 khóm TT, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng ngày 18 tháng 02 năm 2019, trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Võ Ngọc V tự quen biết, tìm hiểu và sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, thể hiện theo giấy chứng nhận kết hôn số 67/2013, ngày 20 tháng 06 năm 2013 do Ủy ban nhân dân phường TT, quận TN, thành phố CT cấp cho ông Võ Ngọc V và bà Nguyễn Thị Thanh L. Hôn nhân lần thứ nhất của bà L và ông V. Trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông V không quan tâm, chăm sóc vợ con, thường xuyên cờ bạc, gây nợ nần. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L không còn yêu thương đối với ông V, nên yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông V.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có một con chung tên Võ Ngọc Lam A, sinh ngày 06 tháng 05 năm 2014. Hiện nay con chung đang sống chung với bà L nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết, bị đơn ông Võ Ngọc V vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà L và không đưa ra yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh L có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29 tháng 10 năm 2019, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Võ Ngọc V.

Ông Võ Ngọc V vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật. Riêng bị đơn ông Võ Ngọc V vắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của ông và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án: Bà L và ông V đăng ký kết hôn năm 2013. Giữa bà L và ông V phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn giữa bà L và ông V đi đến trầm trọng. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà am đối với ông V là phù hợp quy định tại điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung, cháu Võ Ngọc Lam A, sinh ngày 06 tháng 05 năm 2014 hiện đang được bà L chăm lo tốt, có nơi ở ổn định và để bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho con chung là phù hợp quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà L được trực tiếp nuôi con chung. Về cấp dưỡng, bà L không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 29 tháng 10 năm 2019. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà L là phù hợp quy định pháp luật. Riêng đối với ông Võ Ngọc V, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Ngọc V vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Võ Ngọc V trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TT, quận TN, thành phố CT theo giấy chứng nhận kết hôn số 67/2013 ngày 20 tháng 06 năm 2013, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay, bà L và ông V phát sinh mâu thuẫn, bà L xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được bốn năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, ông V không quan tâm chăm lo cho gia đình, không yêu thương vợ con và đã ly thân. Trong thời gian sống chung bà L luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

[4] Xét, hôn nhân giữa bà L và ông V sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 - 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân. Trong thời gian sống chung bà L luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, bà L không còn tình cảm với ông V, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình, chăm lo con cái. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông V vắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L tức là ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của ông đã được pháp luật quy định nên không có căn cứ xét yêu cầu của ông V. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông V.

[5] Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có một con chung tên Võ Ngọc Lam A, sinh ngày 06 tháng 05 năm 2014. Hiện nay, con chung đang sống ổn định với bà L, được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Việc cháu Anh sống chung với bà L, ông V không có ý kiến. Do đó, xét cần thiết giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của bà L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà L không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, nếu có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác nếu có.

[6] Trong thời gian sống chung vợ chồng, bà L xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 8, Điều 9, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 179, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh L được ly hôn với ông Võ Ngọc V.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Võ Ngọc V có một con chung tên Võ Ngọc Lam A, sinh ngày 06 tháng 05 năm 2014. Bà Nguyễn Thị Thanh L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông Võ Ngọc V không cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không yêu cầu. Bà Nguyễn Thị Thanh L phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Võ Ngọc V được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh L nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002991, ngày 24 tháng 04 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà L đã nộp đủ.

Bà Nguyễn Thị Thanh L, ông Võ Ngọc V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bà L, ông V.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND TPLX;
-Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phương